

Số: /QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung
và bị bãi bỏ trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ**

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị định số 225/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng và Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

1. Bãi bỏ 02 thủ tục hành chính cấp Trung ương được công bố tại Quyết định số 4098/QĐ-BKHCN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Bãi bỏ 01 thủ tục hành chính cấp Trung ương được công bố tại Quyết định số 1263/QĐ-BKHCN ngày 15 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Bãi bỏ 01 thủ tục hành chính cấp Trung ương được công bố tại Quyết định số 2669/QĐ-BKHCN ngày 04 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thủ trưởng;
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cổng Thông tin điện tử của Bộ (để đưa tin);
- Văn phòng Bộ KH&CN (KSTT);
- Lưu: VT, TĐC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Xuân Định

Phụ lục
CÔNG BỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI,
BỔ SUNG VÀ BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BKHCN
ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

PHẦN I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
Thủ tục hành chính cấp Trung ương					
1.	1.011056	<i>Chỉ định tổ chức giữ chuẩn quốc gia, phê duyệt chuẩn quốc gia.</i>	Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN ngày 31/07/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Bộ Khoa học và Công nghệ (Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia)
2.	1.001603	<i>Đăng ký phê duyệt mẫu.</i>	Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN ngày 31/07/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia
3.	1.014871	<i>Chỉ định thực hiện hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 2, chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.</i>	Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN ngày 31/07/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính bị bãi bỏ	Tên VBQPPL quy định nội dung bãi bỏ	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
Thủ tục hành chính cấp Trung ương					
1.	2.000052	Thủ tục điều chỉnh nội dung của quyết định chỉ định tổ chức giữ chuẩn quốc gia, phê duyệt chuẩn quốc gia.	Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN ngày 31/07/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia
2.	1.000348	Thủ tục đề nghị chỉ định lại tổ chức giữ chuẩn quốc gia.	Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN ngày 31/07/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia
3.	2.000737	Thủ tục điều chỉnh nội dung của quyết định phê duyệt mẫu.	Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN ngày 31/07/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia
4.	1.014872	Thủ tục điều chỉnh nội dung của quyết định chỉ định, chỉ định lại tổ chức hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.	Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN ngày 31/07/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia

PHẦN II: NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Thủ tục hành chính cấp trung ương

1. Chỉ định tổ chức giữ chuẩn quốc gia, phê duyệt chuẩn quốc gia.

Trình tự thực hiện	Bước 1: Tổ chức đề nghị lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt chuẩn quốc gia, chỉ định tổ chức giữ chuẩn quốc gia gửi đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia (sau đây gọi chung là Ủy ban) thông qua một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia. Bước 2: Ủy ban tiếp nhận hồ sơ, xem xét, thẩm định theo quy định: - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị về lý do từ chối giải quyết hồ sơ hoặc những nội dung cần hoàn thiện. Nếu tổ chức đề nghị không hoàn thiện hồ sơ theo quy định trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày ban hành văn bản thông báo những nội dung cần hoàn thiện, Ủy ban kết thúc việc giải quyết hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: + Trường hợp đánh giá tại cơ sở (đối với hồ sơ quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 5 Thông tư số 14/2013/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN): Trong thời hạn 30 ngày, Ủy ban xem xét, ban hành quyết định thành lập đoàn đánh giá tại cơ sở. + Trường hợp kiểm tra trên hồ sơ (đối với hồ sơ quy định tại điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 5 Thông tư số 14/2013/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN): Trong thời hạn 07 ngày làm việc, Ủy ban kiểm tra trên hồ sơ và lập 01 bộ hồ sơ trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt chuẩn quốc gia, chỉ định tổ chức giữ chuẩn quốc gia đối với nội dung đề nghị. Bước 3: Đoàn đánh giá thực hiện đánh giá tại cơ sở về sự phù hợp của tổ chức đề nghị và của chuẩn đo lường được đề nghị phê duyệt so với các điều kiện quy định tại Điều
--------------------	--

	3 và Điều 4 Thông tư số 14/2013/TT-BKHCN và nộp kết quả đánh giá về <i>Ủy ban</i>. Việc đánh giá phải hoàn thành trong thời gian 30 ngày kể từ ngày ký quyết định thành lập đoàn đánh giá. Chi phí và các điều kiện khác phục vụ việc đánh giá tại cơ sở của đoàn đánh giá do tổ chức đề nghị bảo đảm. Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc đánh giá, trưởng đoàn trình 01 bộ hồ sơ kết quả đánh giá lên <i>Ủy ban</i>. Bước 4: Xử lý hồ sơ kết quả đánh giá - Nếu kết quả đánh giá tại cơ sở không đạt yêu cầu quy định: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ kết quả đánh giá, <i>Ủy ban</i> thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị. - Nếu kết quả đánh giá tại cơ sở đạt yêu cầu quy định: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ kết quả đánh giá, <i>Ủy ban</i> lập hồ sơ trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt chuẩn quốc gia, chỉ định tổ chức giữ chuẩn quốc gia. Bước 5: Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định phê duyệt chuẩn quốc gia, chỉ định tổ chức giữ chuẩn quốc gia.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến: <i>Cổng Dịch vụ công quốc gia</i> (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp qua dịch vụ bưu chính. - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Bộ Khoa học và Công nghệ.
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Trường hợp đề nghị chỉ định giữ chuẩn quốc gia, phê duyệt chuẩn quốc gia, hồ sơ gồm: a) Đơn đề nghị được chỉ định giữ chuẩn quốc gia, phê duyệt chuẩn quốc gia (<i>theo Mẫu 1a. ĐNCĐPD tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN</i>); b) Tài liệu kỹ thuật của chuẩn đo lường được đề nghị phê duyệt (bản sao), gồm: thuyết minh kỹ thuật; hướng dẫn duy trì, bảo quản, sử dụng; giấy chứng nhận hiệu chuẩn, thử nghiệm hoặc kết quả so sánh hoặc tương đương do tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu cung cấp (tiếng Việt hoặc tiếng Anh hoặc cả 02 thứ tiếng) (không áp dụng với trường hợp chỉ đề nghị được chỉ định giữ chuẩn quốc gia); c) Bộ ảnh màu gồm 01 ảnh phối cảnh tổng thể và các ảnh khác của chuẩn đo lường được đề nghị phê duyệt kèm

theo chú thích cho mỗi ảnh, được cung cấp dưới dạng tệp ảnh điện tử hoặc bản in màu trên giấy khổ A4. Các ảnh chụp phải rõ ràng và thể hiện được hình dáng, tên và thông tin về các đặc tính kỹ thuật đo lường chính của chuẩn đo lường được đề nghị phê duyệt (*không áp dụng với trường hợp chỉ đề nghị được chỉ định giữ chuẩn quốc gia*);

d) *Quyết định thành lập hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương về việc thành lập, đăng ký hoạt động của tổ chức (bản sao) (đối với tổ chức không được cấp mã số doanh nghiệp và thông tin về tư cách pháp lý chưa có trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành đã được công bố, kết nối, chia sẻ)*;

đ) Báo cáo về cơ sở vật chất, kỹ thuật và nhân lực để thực hiện duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn đo lường được đề nghị phê duyệt (theo Mẫu 2. BCCS tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2013/TT-BKHCN);

e) Văn bản quy định về việc duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn quốc gia theo quy định tại Điều 19 của Thông tư số 14/2013/TT-BKHCN;

g) Sơ đồ hiệu chuẩn; quy trình và chu kỳ hiệu chuẩn hoặc so sánh chuẩn đo lường;

h) Danh mục hồ sơ của hệ thống quản lý đối với hoạt động duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn đo lường được đề nghị phê duyệt.

Trường hợp chỉ đề nghị được chỉ định giữ chuẩn quốc gia, tổ chức đề nghị không phải nộp tài liệu quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 5 Thông tư số 14/2013/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN.

2. Trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung của quyết định phê duyệt, chỉ định:

a) *Đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh tên, địa chỉ trụ sở chính và không thay đổi các thông tin khác của quyết định phê duyệt, chỉ định, hồ sơ gồm: Đơn đề nghị được chỉ định giữ chuẩn quốc gia, phê duyệt chuẩn quốc gia (theo Mẫu 1a. ĐNCĐPD tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN).*

b) *Đối với trường hợp điều chỉnh các thông tin khác không được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư số 14/2013/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN, hồ sơ gồm:*

	- Đơn đề nghị được chỉ định giữ chuẩn quốc gia, phê duyệt chuẩn quốc gia (theo Mẫu 1a. ĐNCĐPD tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN); - Tài liệu có liên quan đến nội dung điều chỉnh (bản sao). 3. Trường hợp đề nghị chỉ định lại của tổ chức có quyết định đình chỉ hiệu lực theo quy định tại Điều 16 của Thông tư số 14/2013/TT-BKHCN: a) Trường hợp chỉ định lại sau khi tổ chức có văn bản đề nghị đình chỉ theo điểm b khoản 1 Điều 16 của Thông tư số 14/2013/TT-BKHCN, hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị được chỉ định giữ chuẩn quốc gia, phê duyệt chuẩn quốc gia (theo Mẫu 1a. ĐNCĐPD tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN); - Các tài liệu, hồ sơ liên quan đến nội dung đình chỉ (bản sao). b) Trường hợp chỉ định lại sau khi tổ chức khắc phục do không hoàn thành trách nhiệm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 16 của Thông tư số 14/2013/TT-BKHCN, hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị được chỉ định giữ chuẩn quốc gia, phê duyệt chuẩn quốc gia (theo Mẫu 1a. ĐNCĐPD tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN); - Các tài liệu, hồ sơ liên quan đến việc khắc phục do không hoàn thành trách nhiệm (bản sao).
Thời hạn giải quyết	- Trường hợp đánh giá tại cơ sở: 37 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không tính thời gian đánh giá tại cơ sở. - Trường hợp kiểm tra trên hồ sơ: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Khoa học và Công nghệ. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định phê duyệt chuẩn quốc gia, chỉ định tổ chức giữ chuẩn quốc gia (theo Mẫu 1c. QĐCĐPD tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN).
Phí, lệ phí (nếu có)	Không

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Đề nghị được chỉ định giữ chuẩn quốc gia, phê duyệt chuẩn quốc gia (<i>Mẫu 1a. ĐNCĐPD - Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN</i>). - Báo cáo về cơ sở vật chất, kỹ thuật và nhân lực để thực hiện duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn đo lường được đề nghị phê duyệt (<i>Mẫu 2. BCCS – Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2013/TT-BKHCN</i>).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Tổ chức đáp ứng các điều kiện sau đây được chỉ định giữ chuẩn quốc gia: 1. Có tư cách pháp nhân; 2. Có chuẩn đo lường tương ứng đề nghị được phê duyệt là chuẩn quốc gia (sau đây gọi tắt là chuẩn đo lường được đề nghị phê duyệt); 3. Có đủ phương tiện, trang thiết bị, mặt bằng làm việc, điều kiện môi trường và các điều kiện kỹ thuật khác (điều kiện về điện áp, tần số nguồn điện, chống rung động, chống ảnh hưởng của nhiễu điện từ trường) để thực hiện duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn quốc gia tương ứng; 4. Có các biện pháp bảo đảm an toàn, phòng chống cháy nổ, hư hỏng, thiên tai; bảo đảm yêu cầu di chuyển khẩn cấp chuẩn đo lường được đề nghị phê duyệt; 5. Có ít nhất 02 nhân viên kỹ thuật thực hiện việc duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn đo lường được đề nghị phê duyệt. Nhân viên kỹ thuật phải đáp ứng các yêu cầu sau đây: a) Tốt nghiệp đại học chuyên ngành kỹ thuật tương ứng; b) Ngoại ngữ: Tiếng Anh hoặc tiếng Pháp hoặc tiếng Nga, trình độ C hoặc tương đương trở lên; c) Có ít nhất ba (03) năm kinh nghiệm thực hiện hiệu chuẩn, so sánh chuẩn đo lường. 6. Có sơ đồ hiệu chuẩn và quy trình hiệu chuẩn hoặc phương pháp so sánh chuẩn đo lường đề nghị phê duyệt phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế; 7. Đã thiết lập và duy trì hệ thống quản lý phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 để thực hiện việc duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn đo lường được đề nghị phê duyệt. Chuẩn đo lường đáp ứng các điều kiện sau đây được phê duyệt là chuẩn quốc gia: 1. Đáp ứng các yêu cầu cơ bản đối với chuẩn đo lường quy định tại Điều 11 của Luật Đo lường; 2. Phù hợp với quy hoạch phát triển chuẩn quốc gia do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

	3. Được lưu giữ, duy trì, bảo quản và sử dụng tại tổ chức đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 3 của Thông tư số 14/2013/TT-BKHCN.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Đo lường số 04/2011/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 84/2025/QH15; - Thông tư số 14/2013/TT-BKHCN ngày 12 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với chuẩn quốc gia; - <i>Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ liên quan đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia;</i> - <i>Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ để thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực đo lường.</i>

CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có)
TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

Mẫu 1a. ĐNCĐPD
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH GIỮ CHUẨN QUỐC GIA,
PHÊ DUYỆT CHUẨN QUỐC GIA**

Kính gửi: Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia

1. Tổ chức đề nghị.....(tên tổ chức).....

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:

- Email:.....

- Mã số doanh nghiệp (hoặc mã số thuế):.....

- Quyết định phê duyệt chuẩn quốc gia, chỉ định tổ chức giữ chuẩn quốc gia (nếu có):.....

2. Đề nghị phê duyệt chuẩn quốc gia (hoặc được chỉ định giữ chuẩn quốc gia) sau đây:

a) Tên lĩnh vực đo, đại lượng đo:.....

b) Tên chuẩn đo lường:

c) Số hiệu:

d) Ký mã hiệu của chuẩn đo lường:.....

đ) Nơi sản xuất, năm sản xuất:.....

e) Phạm vi đo, độ không đảm bảo đo hoặc độ chính xác hoặc cấp chính xác và các đặc tính kỹ thuật đo lường cần thiết khác:.....

3. Đề nghị được chỉ định giữ chuẩn quốc gia tại ⁽¹⁾:

- Tên bộ phận trực tiếp duy trì, bảo quản, sử dụng:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Email:.....

4. Đề nghị điều chỉnh nội dung quyết định phê duyệt, chỉ định hoặc quyết định chỉ định giữ chuẩn quốc gia⁽²⁾

5. Đề nghị chỉ định lại.....⁽³⁾

Tổ chức đề nghị cam kết các thông tin, tài liệu trong hồ sơ là chính xác; đáp ứng và duy trì các điều kiện đối với chuẩn quốc gia và tổ chức giữ chuẩn quốc gia; thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật về đo lường.

Kính đề nghị Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia xem xét, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:.....

THỦ TRƯỞNG
TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Khai đối với trường hợp đề nghị phê duyệt chuẩn quốc gia, chỉ định tổ chức giữ chuẩn quốc gia và trường hợp đề nghị chỉ định tổ chức giữ chuẩn quốc gia.
- (2) Chỉ khai đối với trường hợp điều chỉnh nội dung của quyết định chỉ định giữ chuẩn quốc gia, phê duyệt chuẩn quốc gia; ghi nội dung điều chỉnh liên quan đến mục 1, mục 2 và mục 3.
- (3) Chỉ khai đối với trường hợp chỉ định lại; ghi rõ số, ký hiệu, ngày ban hành và cơ quan ban hành quyết định đình chỉ và gửi kèm các tài liệu, hồ sơ theo quy định.

BÁO CÁO VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, KỸ THUẬT VÀ NHÂN LỰC ĐỂ THỰC HIỆN DUY TRÌ, BẢO QUẢN, SỬ DỤNG CHUẨN QUỐC GIA

1. Tổ chức đề nghị:(tên tổ chức).....

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:

- Fax: Email:.....

2. Bộ phận trực tiếp duy trì, bảo quản, sử dụng:

.....(tên bộ phận)

- Địa chỉ:

- Điện thoại :; Fax :

3. Về cơ sở vật chất, kỹ thuật

a) Phòng thí nghiệm

- Diện tích dùng cho việc duy trì, bảo quản chuẩn quốc gia:

- Điều kiện môi trường tại nơi duy trì, bảo quản:

Nhiệt độ:..... Biến động về nhiệt độ:

Độ ẩm tương đối:..... Biến động về độ ẩm:

Áp suất không khí:..... Biến động về áp suất:.....

- Diện tích nơi sử dụng chuẩn quốc gia:

- Điều kiện môi trường tại nơi sử dụng:

Nhiệt độ:..... Biến động về nhiệt độ:

Độ ẩm tương đối:..... Biến động về độ ẩm:

Áp suất không khí:..... Biến động về áp suất:.....

b) Các điều kiện kỹ thuật khác tại nơi duy trì, bảo quản, sử dụng (*điều kiện về điện áp, tần số nguồn điện, về chống rung động, chống ảnh hưởng của nhiễu điện từ trường...*).

c) Biện pháp bảo đảm an toàn, phòng chống cháy nổ, mất hoặc hư hỏng chuẩn quốc gia; biện pháp di chuyển khẩn cấp.

d) Phương tiện, trang thiết bị được dùng để duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn quốc gia.

TT	Tên phương tiện, trang thiết bị	Số lượng	Đặc trưng kỹ thuật, đo lường chính	Mục đích sử dụng (*)

(*): Ghi cụ thể mục đích sử dụng (ví dụ: duy trì, kiểm soát nhiệt độ, độ ẩm, áp suất không khí; duy trì, kiểm soát điện áp, tần số; bảo đảm an toàn khi vận chuyển

chuẩn; hiệu chuẩn hoặc so sánh chuẩn; ...)

4. Về nhân viên kỹ thuật

TT	Họ và tên	Năm sinh	Thời gian công tác (**)	Chứng chỉ ngoại ngữ	Tốt nghiệp đại học chuyên ngành	Ghi chú

(**): Ghi thời gian thực hiện hiệu chuẩn hoặc so sánh chuẩn đo lường trong lĩnh vực đo.

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao (có xác nhận sao y bản chính của tổ chức đề nghị) giấy chứng nhận hiệu chuẩn, kiểm định của các phương tiện, trang thiết bị được dùng để duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn quốc gia;

- Bản sao (có xác nhận sao y bản chính của tổ chức đề nghị) chứng chỉ ngoại ngữ, bằng tốt nghiệp đại học của nhân viên kỹ thuật.

....., ngày....tháng ...năm 20...

Thủ trưởng tổ chức đề nghị

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,... .

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2. Đăng ký phê duyệt mẫu.

Trình tự thực hiện	Bước 1: Cơ sở sản xuất, nhập khẩu phương tiện đo thuộc Danh mục phương tiện đo phải phê duyệt mẫu do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký phê duyệt mẫu đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia (sau đây gọi chung là Ủy ban) <i>thông qua một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.</i> Bước 2: Ủy ban tiếp nhận hồ sơ, xem xét, thẩm định theo quy định: 1. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc không đủ căn cứ miễn, giảm thử nghiệm: a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ (trường hợp hồ sơ quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 7 Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung tại Điều 8 Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN), Ủy ban thông báo bằng văn bản cho cơ sở về lý do từ chối giải quyết hồ sơ hoặc những nội dung cần hoàn thiện; b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ (trường hợp hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung tại Điều 8 Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN), Ủy ban thông báo bằng văn bản cho cơ sở về lý do từ chối giải quyết hồ sơ hoặc những nội dung cần hoàn thiện hoặc việc cơ sở phải thử nghiệm mẫu (đối với trường hợp hồ sơ có đề nghị miễn, giảm thử nghiệm mẫu nhưng không đủ căn cứ được miễn, giảm theo Điều 10 Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN). 2. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày ban hành văn bản thông báo của Ủy ban, nếu cơ sở chưa hoàn thiện hồ sơ, cơ sở phải có văn bản gửi Ủy ban nêu rõ lý do và thời hạn hoàn thành nhưng không vượt quá thời hạn 90 ngày kể từ ngày ban hành văn bản thông báo những nội dung cần hoàn thiện. Việc xử lý hồ sơ chỉ được tiếp tục thực hiện sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Nếu cơ sở không hoàn thiện hồ sơ theo quy định trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày ban hành văn bản thông báo những nội dung cần hoàn thiện, Ủy ban kết thúc việc giải quyết hồ sơ. 3. Trường hợp hồ sơ hợp lệ: a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp hồ sơ quy định tại khoản 2 và khoản
--------------------	---

	3 Điều 7 Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung tại Điều 8 Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN), Ủy ban ra quyết định phê duyệt mẫu theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung tại Điều 10 Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN; b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung tại Điều 8 Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN), Ủy ban ra quyết định phê duyệt mẫu theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung tại Điều 10 Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến: Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp qua dịch vụ bưu chính. - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Bộ Khoa học và Công nghệ.
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Trường hợp đăng ký phê duyệt mẫu hoặc điều chỉnh nội dung của quyết định phê duyệt mẫu không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 7 Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung tại Điều 8 Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN, hồ sơ bao gồm: a) Bản đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo theo Mẫu 1. ĐKPDM tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN; b) Bộ tài liệu kỹ thuật của mẫu. Tài liệu phải nêu rõ: nguyên lý hoạt động, sơ đồ nguyên lý cấu trúc, hướng dẫn sử dụng; các kết cấu quan trọng ảnh hưởng tới đặc tính kỹ thuật đo lường chính của mẫu; vị trí các cơ cấu đặt và điều chỉnh thông số kỹ thuật đo lường chính của mẫu; vị trí để dán tem, đóng dấu kiểm định, niêm phong và các đặc điểm khác nếu có trên mẫu; vị trí cơ cấu hoặc tính năng kỹ thuật thực hiện ngăn ngừa tác động làm thay đổi đặc tính kỹ thuật đo lường chính của mẫu trong sử dụng (tiếng Việt hoặc tiếng Anh hoặc cả 02 thứ tiếng); c) Bộ ảnh màu của mẫu gồm: 01 ảnh tổng thể của mẫu; các ảnh mặt trước (mặt thể hiện kết quả đo), mặt sau, mặt trên, mặt dưới (nếu có), bên phải, bên trái của mẫu; các ảnh chụp riêng thể hiện thông tin về ký mã hiệu, kiểu và đặc tính kỹ thuật đo lường chính của mẫu; bảng mạch điện tử (nếu có), các phím vận hành; vị trí nhãn hàng hóa của mẫu, vị trí dán tem, dấu kiểm định; các vị trí niêm phong

trên mẫu; các bộ phận khác có ảnh hưởng trực tiếp tới các đặc tính kỹ thuật đo lường chính của mẫu. Các ảnh được cung cấp dưới dạng tệp ảnh điện tử hoặc bản in màu trên giấy khô A4. Ảnh chụp phải rõ ràng, chính xác thông tin về đặc tính kỹ thuật đo lường chính của mẫu và bảo đảm yêu cầu so sánh, đối chiếu, kiểm tra sự phù hợp của phương tiện đo được sản xuất hoặc nhập khẩu so với mẫu đã phê duyệt;

d) Bộ hồ sơ kết quả thử nghiệm, đánh giá mẫu theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN.

Trường hợp cơ sở có đề nghị miễn, giảm thử nghiệm mẫu trong đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo, bộ hồ sơ gồm các tài liệu liên quan đến việc miễn, giảm thử nghiệm theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN (bản sao).

2. Trường hợp điều chỉnh thời hạn hiệu lực của quyết định phê duyệt mẫu đã cấp theo điểm h khoản 2 Điều 13 Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN, hồ sơ gồm: Bản đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo theo Mẫu 1. ĐKPDM tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN.

3. Trường hợp điều chỉnh nội dung của quyết định phê duyệt mẫu đã cấp:

a) Trường hợp điều chỉnh tên cơ sở của quyết định phê duyệt mẫu đã cấp, hồ sơ gồm: Bản đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo theo Mẫu 1. ĐKPDM tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN.

b) Trường hợp điều chỉnh tên của hãng sản xuất theo điểm c khoản 2 Điều 13 Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung tại Điều 10 Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN và không liên quan đến thay đổi địa chỉ trụ sở của hãng sản xuất tại nước sản xuất, hồ sơ gồm:

- Bản đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo theo Mẫu 1. ĐKPDM tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN;

- Bộ tài liệu kỹ thuật của mẫu. Tài liệu phải nêu rõ: nguyên lý hoạt động, sơ đồ nguyên lý cấu trúc, hướng dẫn sử dụng; các kết cấu quan trọng ảnh hưởng tới đặc tính kỹ thuật đo lường chính của mẫu; vị trí các cơ cấu đặt và điều chỉnh thông số kỹ thuật đo lường chính của mẫu; vị trí để dán tem, đóng dấu kiểm định, niêm phong và các đặc điểm khác nếu có trên mẫu; vị trí cơ cấu hoặc tính năng kỹ thuật thực hiện ngăn ngừa tác động làm thay đổi

	đặc tính kỹ thuật đo lường chính của mẫu trong sử dụng (tiếng Việt hoặc tiếng Anh hoặc cả 02 thứ tiếng); - Bộ ảnh màu của mẫu gồm: 01 ảnh tổng thể của mẫu; các ảnh mặt trước (mặt thể hiện kết quả đo), mặt sau, mặt trên, mặt dưới (nếu có), bên phải, bên trái của mẫu; các ảnh chụp riêng thể hiện thông tin về ký mã hiệu, kiểu và đặc tính kỹ thuật đo lường chính của mẫu; bảng mạch điện tử (nếu có), các phím vận hành; vị trí nhãn hàng hóa của mẫu, vị trí dán tem, dấu kiểm định; các vị trí niêm phong trên mẫu; các bộ phận khác có ảnh hưởng trực tiếp tới các đặc tính kỹ thuật đo lường chính của mẫu. Các ảnh được cung cấp dưới dạng tệp ảnh điện tử hoặc bản in màu trên giấy khổ A4. Ảnh chụp phải rõ ràng, chính xác thông tin về đặc tính kỹ thuật đo lường chính của mẫu và bảo đảm yêu cầu so sánh, đối chiếu, kiểm tra sự phù hợp của phương tiện đo được sản xuất hoặc nhập khẩu so với mẫu đã phê duyệt; - Các tài liệu liên quan đến nội dung đề nghị điều chỉnh (bản sao).
Thời hạn giải quyết	- Đối với hồ sơ thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung tại Điều 8 Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 8 Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung tại Điều 9 Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN). - Đối với hồ sơ thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 7 Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung tại Điều 8 Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 8 Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung tại Điều 9 Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN).
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Cơ sở sản xuất, nhập khẩu phương tiện đo thuộc Danh mục phương tiện đo phải phê duyệt mẫu.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định phê duyệt mẫu phương tiện đo (theo Mẫu 6. QĐPDM tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN).

Phí, lệ phí (nếu có)	Không.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo (<i>Mẫu 1. ĐKPDM - Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN</i>).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Đo lường số 04/2011/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 84/2025/QH15; - Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2; - Thông tư số 03/2024/TT-BKHCN ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ liên quan đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia; - Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số Thông tư thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ; - <i>Thông tư số 04/2026/TT-BKHCN ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các văn bản quy phạm</i>

	<i>pháp luật của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng;</i> <i>- Thông tư số 22/2026/TT-BKHCHN ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số thông tư trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng để thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính và phù hợp với pháp luật về đầu tư kinh doanh;</i> <i>- Thông tư số 45/2026/TT-BKHCHN ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ để thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực đo lường.</i>
--	--

Mẫu 1. ĐKPDM

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ SỞ ĐỀ NGHỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày.....tháng....năm 20...

ĐĂNG KÝ PHÊ DUYỆT MẪU PHƯƠNG TIỆN ĐO

Kính gửi: Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia

Tên cơ sở:.....⁽¹⁾

Địa chỉ trụ sở chính:.....⁽¹⁾

Điện thoại:.....⁽¹⁾ Email:.....

Mã số doanh nghiệp (hoặc mã số thuế):.....

Đề nghị Ủy ban phê duyệt mẫu đề (*sản xuất hoặc nhập khẩu*)⁽²⁾
phương tiện đo như sau:

Tên phương tiện đo:.....⁽³⁾

Đặc tính kỹ thuật đo lường chính: (*ghi rõ tên hãng sản xuất, tên nước sản xuất, kiểu, ký hiệu, phạm vi đo, cấp chính xác/độ chính xác/sai số cho phép lớn nhất và các đặc tính kỹ thuật đo lường quan trọng khác*):

Đề nghị điều chỉnh nội dung/điều chỉnh thời hạn hiệu lực của Quyết định phê duyệt mẫu số: ... ngày ... tháng ... năm⁽⁴⁾.

Nội dung đề nghị điều chỉnh nội dung của Quyết định phê duyệt mẫu đã cấp:.....⁽⁴⁾

Đề nghị được miễn/giảm thử nghiệm mẫu theo:.....⁽⁵⁾

Lý do đề nghị miễn/giảm thử nghiệm mẫu:⁽⁵⁾

Tài liệu liên quan kèm theo:.....⁽⁶⁾

Cơ sở cam kết các thông tin khai báo trên là đúng sự thật và xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật với nội dung khai báo trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:...

NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ SỞ

(*ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu*)

Ghi chú:

- (1) Ghi rõ theo thông tin trên đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế hoặc quyết định thành lập.
- (2) Ghi rõ sản xuất hoặc nhập khẩu.
- (3) Ghi rõ thông tin của mẫu gồm số lượng và tên phương tiện đo theo Danh mục phương tiện đo nhóm 2 do Bộ Khoa học và Công nghệ quy định.
- (4) Chỉ khai đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh thời hạn hoặc điều chỉnh nội dung của quyết định phê duyệt mẫu; ghi rõ số, ngày của Quyết định phê duyệt mẫu đã cấp và từng nội dung (ghi rõ nội dung hiện hành theo Quyết định được cấp và nội dung đề nghị điều chỉnh) kèm theo lý do tương ứng.
- (5) Chỉ khai đối với trường hợp đề nghị được miễn hoặc giảm thử nghiệm mẫu theo quy định tại điểm, khoản của Điều 10 Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN.
- (6) Ghi tên hồ sơ, tài liệu nộp kèm (ví dụ: hồ sơ liên quan đến đề nghị miễn hoặc giảm thử nghiệm mẫu; bản sao tờ khai hải quan đối với trường hợp nhập khẩu; bản sao tài liệu liên quan đến nội dung đề nghị điều chỉnh nội dung của quyết định phê duyệt mẫu đã cấp theo quy định...).

3. Chỉ định thực hiện hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 2, chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

Trình tự thực hiện	Bước 1: Tổ chức nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký chỉ định thực hiện hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 2, chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (sau đây gọi chung là hồ sơ đăng ký chỉ định) gửi đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia (sau đây gọi chung là Ủy ban) thông qua một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia. Bước 2: Ủy ban tiếp nhận hồ sơ, xem xét, thẩm định theo quy định: - Nếu hồ sơ không hợp lệ: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban thông báo bằng văn bản cho tổ chức đăng ký chỉ định về lý do từ chối giải quyết hồ sơ hoặc những nội dung cần hoàn thiện. Nếu tổ chức đăng ký chỉ định không hoàn thiện hồ sơ theo quy định trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày ban hành văn bản thông báo những nội dung cần hoàn thiện, Ủy ban kết thúc việc giải quyết hồ sơ. - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: + Trường hợp đánh giá tại cơ sở (đối với trường hợp đăng ký chỉ định; bổ sung lĩnh vực; mở rộng phạm vi; thay đổi địa điểm hoạt động): Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban ban hành quyết định thành lập đoàn đánh giá tại cơ sở và tiến hành đánh giá theo quy định. + Trường hợp kiểm tra trên hồ sơ (đối với trường hợp thu hẹp phạm vi; điều chỉnh thông tin trên quyết định đã được cấp sau khi hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, đổi tên, chuyển đổi hình thức, thay đổi địa chỉ trụ sở chính): Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban xem xét, cấp quyết định chỉ định theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 45/2026/TT-BKHCHN. Bước 3: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành quyết định thành lập đoàn đánh giá, trưởng đoàn đánh giá phải nộp hồ sơ kết quả đánh giá về Ủy ban. Trường hợp tổ chức đăng ký chỉ định có những điểm không phù hợp nhưng có thể khắc phục thì sau khi thống nhất với tổ chức, đoàn đánh giá gửi văn bản thông báo nội dung và thời hạn khắc phục cho tổ chức đăng ký chỉ định và Ủy ban. Thời gian khắc phục tại thông báo không quá 30 ngày. Tổ
--------------------	--

	chức đăng ký chỉ định tiến hành khắc phục các điểm không phù hợp và gửi báo cáo cho đoàn đánh giá. Đoàn đánh giá tiến hành thẩm định báo cáo khắc phục, trường hợp cần thiết đoàn đánh giá tiến hành đánh giá lại tại cơ sở. Trong trường hợp này, thời hạn khắc phục và thời gian đánh giá lại không tính vào thời hạn đánh giá. Bước 4: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ kết quả đánh giá tại cơ sở theo quy định, nếu kết quả đánh giá đạt yêu cầu quy định, Ủy ban xem xét, cấp quyết định chỉ định tổ chức thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm. Trường hợp kết quả đánh giá không đạt yêu cầu, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia thông báo bằng văn bản cho tổ chức đăng ký chỉ định và cơ quan, tổ chức có liên quan.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến: Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp qua dịch vụ bưu chính. - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Bộ Khoa học và Công nghệ.
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Trường hợp đăng ký chỉ định, hồ sơ gồm: a) Đơn đăng ký chỉ định tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 2, chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 <i>theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN</i>; b) Báo cáo về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân lực <i>theo Mẫu số 21 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN</i>; c) Bản công bố đã thiết lập và duy trì hệ thống quản lý phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường <i>theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN (đối với trường hợp chưa được cấp quyết định chỉ định)</i>. 2. Trường hợp đăng ký chỉ định bổ sung lĩnh vực, thu hẹp hoặc mở rộng phạm vi đã được chỉ định, thay đổi địa điểm hoạt động, hồ sơ gồm: a) Đơn đăng ký chỉ định tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 2, chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 <i>theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN</i>;

	<i>b) Báo cáo về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân lực theo Mẫu số 21 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 45/2026/TT-BKHCHN.</i> <i>3. Trường hợp điều chỉnh thông tin trên quyết định đã được cấp sau khi hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, đổi tên, chuyển đổi hình thức, thay đổi địa chỉ trụ sở chính, hồ sơ gồm: Đơn đăng ký chỉ định tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 2, chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 45/2026/TT-BKHCHN.</i>
Thời hạn giải quyết	- Trường hợp đánh giá tại cơ sở: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không tính thời gian đánh giá tại cơ sở. - Trường hợp kiểm tra trên hồ sơ: 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định chỉ định tổ chức thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 45/2026/TT-BKHCHN).
Phí, lệ phí (nếu có)	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Đơn đăng ký chỉ định tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 2, chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 45/2026/TT-BKHCHN. - Báo cáo về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân lực (Mẫu số 21 – Thông tư số 45/2026/TT-BKHCHN). - Bản công bố đã thiết lập và duy trì hệ thống quản lý phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (Mẫu số 02 – Thông tư số 54/2025/TT-BKHCHN).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam. - Có đủ cơ sở vật chất, kỹ thuật (bao gồm chuẩn công tác, chất chuẩn, phương tiện, điều kiện môi trường thực hiện

	kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm) theo yêu cầu của văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam tương ứng do Cơ quan nhà nước về đo lường có thẩm quyền thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành. Chuẩn công tác và chất chuẩn dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 phải được hiệu chuẩn, thử nghiệm hoặc so sánh tại tổ chức hiệu chuẩn, thử nghiệm tại Việt Nam có lĩnh vực hoạt động phù hợp được chỉ định hoặc tại tổ chức thử nghiệm ở nước ngoài có lĩnh vực hoạt động phù hợp được công nhận và phải được chứng nhận theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Luật Đo lường. - Có ít nhất 01 nhân viên kỹ thuật đáp ứng các yêu cầu sau: + Là viên chức hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn; + Tốt nghiệp trung cấp hoặc tương đương trở lên; + Có giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường tương ứng theo hướng dẫn của Cơ quan nhà nước về đo lường có thẩm quyền thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ; + Nhân viên kiểm định phương tiện đo nhóm 2 phải được chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường. - Đáp ứng các yêu cầu về tính độc lập, khách quan sau đây: + Người đứng đầu tổ chức được chỉ định phải tuân thủ hệ thống quản lý đã thiết lập và văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam tương ứng; không chịu sự tác động, chi phối của bất kỳ tổ chức, cá nhân nào trong hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; bảo đảm và chịu trách nhiệm về tính chính xác của kết quả kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã thực hiện; + Nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phải tuân thủ văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam tương ứng; không chịu sự tác động, chi phối của bất kỳ tổ chức, cá nhân nào trong quá trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; bảo đảm và chịu trách nhiệm về tính chính xác của kết quả kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã thực hiện. - Đã thiết lập và duy trì hệ thống quản lý phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Đo lường số 04/2011/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 84/2025/QH15; - Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012

	của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường; - Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; - Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - <i>Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ liên quan đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia;</i> - Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; - <i>Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ để thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực đo lường.</i>
--	---

CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có)
TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...

..., ngày ... tháng ... năm 20...

ĐĂNG KÝ CHỈ ĐỊNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH, HIỆU CHUẨN, THỬ NGHIỆM

Kính gửi: Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia

1. Tên tổ chức:

- Địa chỉ trụ sở chính:⁽¹⁾

- Điện thoại: Email:

2. Mã số doanh nghiệp (hoặc mã số thuế)/Số đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ/Quyết định chỉ định số:.....⁽²⁾ cấp ngày.....do.....⁽³⁾ cấp

3. Đăng ký chỉ định/bổ sung lĩnh vực, thu hẹp/mở rộng phạm vi đã được chỉ định thực hiện hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đối với lĩnh vực hoạt động sau đây⁽⁴⁾:

3.1. Hoạt động kiểm định:

TT	Tên phương tiện đo	Phạm vi đo	Cấp/độ chính xác/Sai số cho phép lớn nhất	Quy trình thực hiện (ĐLVN) ⁽⁵⁾	Ghi chú ⁽⁶⁾
1.					
...					

3.2. Hoạt động hiệu chuẩn:

TT	Chuẩn đo lường	Phạm vi đo	Cấp/độ chính xác/Độ không đảm bảo đo/ Sai số cho phép lớn nhất	Quy trình thực hiện (ĐLVN) ⁽⁵⁾	Ghi chú ⁽⁶⁾
1.					
...					

3.3. Hoạt động thử nghiệm:

TT	Tên phương tiện đo/chuẩn đo lường	Phạm vi đo	Cấp/độ chính xác/Độ không đảm bảo đo/ Sai số cho phép lớn nhất	Quy trình thực hiện (ĐLVN) ⁽⁵⁾	Ghi chú ⁽⁶⁾
1.					
...					

4. Đăng ký điều chỉnh thông tin trên quyết định đã được cấp:..... (7)
5. Địa điểm thực hiện hoạt động:..... (8)
- Điện thoại: Email:

Kính đề nghị Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia xem xét, chỉ định.

(Tên tổ chức) xin cam kết thực hiện đúng các quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm và các quy định khác của pháp luật có liên quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:... (đơn vị soạn thảo).

NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Chỉ ghi một địa chỉ trụ sở chính theo quyết định thành lập, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký thuế) hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.
- (2) Điền mã số doanh nghiệp theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc mã số thuế hoặc số đăng ký hoạt động khoa học công nghệ theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ hoặc số quyết định chỉ định đã được cấp trong trường hợp điều chỉnh nội dung của quyết định chỉ định.
- (3) Ghi rõ tên cơ quan cấp quyết định/giấy chứng nhận.
- (4) Trường hợp điều chỉnh thông tin trên quyết định đã được cấp sau khi hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, đổi tên, chuyển đổi hình thức, thay đổi địa chỉ trụ sở chính, tổ chức bỏ qua nội dung này.
- (5) Chỉ ghi ký hiệu của Văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam (ví dụ: ĐLVN 16 : 2021). Trường hợp Văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam là quy trình tạm thời thì ghi đầy đủ tên quy trình và quyết định ban hành kèm theo.
- (6) Ghi chú rõ “Bổ sung/Thu hẹp/Mở rộng” tương ứng với từng trường hợp bổ sung lĩnh vực/thu hẹp/mở rộng phạm vi đã được chỉ định.

Ví dụ: Trong trường hợp bổ sung lĩnh vực, thu hẹp phạm vi đã được chỉ định, đơn đăng ký ghi như sau:

“3. Đăng ký bổ sung lĩnh vực, thu hẹp phạm vi đã được chỉ định như sau:

3.1. Hoạt động kiểm định:

TT	Tên phương tiện đo	Phạm vi đo	Cấp/độ chính xác/Sai số cho phép lớn nhất	Quy trình thực hiện (ĐLVN)	Ghi chú
1.	Cân phân tích	đến 500 g	1	ĐLVN 16 : 2021	Bổ sung
2.	Cột đo xăng dầu	đến 200 L/min	0,5	ĐLVN 10 : 2017	Thu hẹp

3.2. Hoạt động hiệu chuẩn:

TT	Chuẩn đo lường	Phạm vi đo	Cấp/độ chính xác/Độ không đảm bảo đo/ Sai số cho phép lớn nhất	Quy trình thực hiện (ĐLVN)	Ghi chú
----	----------------	------------	--	----------------------------	---------

1.	Quả cân chuẩn	1 mg ÷ 20 kg	E ₂	ĐLVN 285 : 2015	Bổ sung
----	---------------	--------------	----------------	-----------------	---------

⁽⁷⁾ Ghi rõ thông tin đề nghị điều chỉnh sau khi hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, đổi tên, chuyển đổi hình thức, thay đổi địa chỉ trụ sở chính.

⁽⁸⁾ Trường hợp thực hiện hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tại địa điểm (các địa điểm) cố định thì ghi địa chỉ, điện thoại, email (nếu có) của địa điểm (của từng địa điểm); trường hợp thực hiện hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tại hiện trường thì ghi “tại hiện trường”; trường hợp thực hiện hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tại địa điểm cố định và hiện trường thì kết hợp ghi cả hai. Trường hợp thay đổi địa điểm hoạt động thì ghi cả “Thay đổi từ (...thông tin của địa điểm hoạt động cũ...) sang (...thông tin của địa điểm hoạt động mới....)”.

CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có)
TÊN TỔ CHỨC

Số:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT, NHÂN LỰC

TT	Danh mục đăng ký			Chuẩn đo lường, phương tiện đo sử dụng ⁽¹⁾				Nhân viên thực hiện				
	Tên phương tiện đo, chuẩn đo lường	Tên hoạt động ⁽²⁾	Quy trình thực hiện (ĐLVN) ⁽³⁾	Tên chuẩn đo lường, phương tiện đo sử dụng	Số sản xuất; Đặc tính kỹ thuật đo lường chính (phạm vi đo, cấp/độ chính xác/độ không đảm bảo đo/sai số)	Nơi kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm	Giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm ⁽⁴⁾	Thông tin cá nhân (họ và tên, năm sinh)	Trình độ học vấn	Viên chức/Lao động hợp đồng ⁽⁵⁾	Giấy chứng nhận bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ ⁽⁶⁾	Nơi cấp giấy chứng nhận
1												
2												
...												

(Tên tổ chức) xin cam kết các nội dung khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã khai./.

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- ⁽¹⁾ Ghi rõ các thông tin liên quan của chuẩn đo lường, phương tiện đo trên các giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phù hợp với yêu cầu của quy trình thực hiện và theo thứ tự: các chuẩn đo lường ghi trước, các phương tiện đo ghi sau (ví dụ: Áp kế chuẩn hiện số; số sản xuất: 12345, phạm vi đo: $(0 \div 7)$ bar, độ chính xác: $\pm 0,05$ %FS; Viện Đo lường Việt Nam; 30/12/2026).
- ⁽²⁾ Ghi rõ tên hoạt động đăng ký chỉ định: kiểm định hoặc hiệu chuẩn hoặc thử nghiệm.
- ⁽³⁾ Ghi rõ tên, ký hiệu của Văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam (ĐLVN) thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm. Trường hợp Văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam là quy trình tạm thời thì ghi đầy đủ tên quy trình và quyết định ban hành kèm theo.
- ⁽⁴⁾ Ghi rõ số ký hiệu và thời hạn giá trị của các giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tương ứng với từng lĩnh vực đăng ký chỉ định (trường hợp giấy chứng nhận thử nghiệm không có thời hạn thì ghi “N/A”).
- ⁽⁵⁾ Ghi rõ loại và thời hạn hợp đồng lao động (nếu có).
- ⁽⁶⁾ Ghi rõ số ký hiệu và ngày cấp các giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên tương ứng với từng lĩnh vực đăng ký chỉ định.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN CÔNG BỐ ĐÃ THIẾT LẬP VÀ DUY TRÌ HỆ THỐNG QUẢN LÝ
 PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO/IEC 17025 ĐỐI VỚI
 HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH, HIỆU CHUẨN, THỬ NGHIỆM
 PHƯƠNG TIỆN ĐO, CHUẨN ĐO LƯỜNG**

Tên tổ chức:

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại:.....; Email:.....

CÔNG BỐ:

Đã thiết lập, vận hành và duy trì hệ thống quản lý theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường của...(tên tổ chức)...

Mã số công nhận ISO/IEC 17025 (nếu có):.....

...(Tên tổ chức)... xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của bản công bố này và cam kết luôn duy trì, lưu giữ đầy đủ hồ sơ hệ thống quản lý đảm bảo phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.

Nơi nhận:

- Ủy ban TCDLCL Quốc gia;
- Lưu VT;... (đơn vị soạn thảo).

NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)